

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-PT

Ngày 20 – 11- 2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2023/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3647/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh 1990; (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố T, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện nay: Số A, Quốc lộ B, ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Phan Châu N, sinh năm 1989; (Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 14/11/2023).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Phan Châu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Chị và anh Phan Châu N do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015 và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/11/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: Không có
- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt theo quy định các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập nhưng anh N vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Sau khi không hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Nam đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2023/HN-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Nam quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 54 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Phan Châu N, cụ thể tuyên:

- 1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Phan Châu N được ly hôn với nhau.*
- 2. Về con chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.*
- 3. Về tài sản chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.*
- 4. Về nợ chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, bị đơn anh Phan Châu N kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, với lý do: Mâu thuẫn vợ chồng anh chưa đến mức phải ly hôn, bản án sơ thẩm nhận định vợ chồng anh ly thân nhau từ năm 2019 đến nay là không chính xác, vì vợ chồng anh gặp nhau lần cuối (ngủ cùng nhau) là ngày 27/01/2023 (Mùng 6 tết), lý do anh không đến Tòa án vì anh đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, công việc nhiều nên không có thời gian về quê, hơn nữa nghĩ rằng Tòa án sẽ có quyết định hợp lý và đúng pháp luật. Anh N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị S. Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị S giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, không đồng ý kháng cáo của anh N. Chị S yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Châu N; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng; Xét kháng cáo của anh Phan Châu N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Châu N kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân:

[1.1] Chị Lê Thị S và anh Phan Châu N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ trở lại nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N.

[1.2] Sau khi Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên hòa giải cho anh N biết để tham gia tố tụng tại Tòa án nhằm hòa giải tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ vợ chồng với chị S, tuy nhiên anh N vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ với chị S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.3] Xét kháng cáo của anh N cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn với chị S. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị S không đồng ý hàn gắn đoàn tụ trở lại với anh N. Mặt khác theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì anh N cũng không có biện pháp nào để hàn gắn đoàn tụ với chị S, vì vậy kháng cáo của anh N không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Châu N. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Phan Châu N phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phan Châu N;

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 54 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Phan Châu N.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Phan Châu N được ly hôn với nhau.

1.2. Về con chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006632 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Anh Phan Châu N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001068 ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt

